

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 1 - CƠ SỞ LINH TRUNG
CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2023-2024

Thời gian học thực hành: từ ngày 11/03/2024 đến ngày 02/06/2024.
Trong đó, tuần 22/04/2024 thực hành HT2; các tuần khác thực hành HT1 theo lịch.
Thi cuối kỳ TH: tuần 27/05/2024.

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g35 - 11g40
3	6 - 7.5	12g30 - 14g35
4	8.5 - 10	14g35 - 16g40

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
1	CQ2022/7	22_7	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N1	T3	1-2.5	LT-PMD203	25	1		
2	CQ2022/7	22_7	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	30	N2	T3	3.5-5	LT-PMD203	25	1		
3	CNTN2022	22TN	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N1	T5	6-7.5	LT-PMC201	25	1		
4	CQ2022/2	22_2	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N1	T3	6-7.5	LT-PMD203	25	1		
5	CQ2022/2	22_2	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N2	T4	6-7.5	LT-PMC201	25	1		
6	CQ2022/2	22_2	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N3	T4	8.5-10	LT-PMC201	25	1		
7	CQ2022/3	22_3	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N1	T2	3.5-5	LT-PMC201	25	1		
8	CQ2022/3	22_3	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N2	T2	6-7.5	LT-PMC201	25	1		
9	CQ2022/3	22_3	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N3	T2	8.5-10	LT-PMC201	25	1		
10	CQ2022/4	22_4	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N1	T3	8.5-10	LT-PMD203	25	1		
11	CQ2022/4	22_4	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N2	T2	8.5-10	LT-PMD203	25	1		
12	CQ2022/4	22_4	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N3	T2	6-7.5	LT-PMD203	25	1		
13	CQ2022/5	22_5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N1	T3	6-7.5	LT-PMC201	25	1		
14	CQ2022/5	22_5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N2	T3	8.5-10	LT-PMC201	25	1		
15	CQ2022/5	22_5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N3	T5	3.5-5	LT-PMC201	25	1		
16	CQ2022/6	22_6	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N1	T4	1-2.5	LT-PMC201	25	1		
17	CQ2022/6	22_6	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N2	T4	3.5-5	LT-PMC201	25	1		

Thời gian học thực hành: từ ngày 11/03/2024 đến ngày 02/06/2024.
Trong đó, tuần 22/04/2024 thực hành HT2; các tuần khác thực hành HT1 theo lịch.
Thi cuối kỳ TH: tuần 27/05/2024.

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g35 - 11g40
3	6 - 7.5	12g30 - 14g35
4	8.5 - 10	14g35 - 16g40

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
18	CQ2022/6	22_6	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N3	T5	1-2.5	LT-PMC201	25	1		
19	TTNT2022	22TNT	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	30	N1	T5	8.5-10	LT-PMC201	25	1		
20	CNTN2023	23TNT1TN	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N1	T2	8.5-10	LT-PMC202	25	1		
21	CNTN2023	23TNT1TN	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N2	T2	6-7.5	LT-PMC202	25	1		
22	CQ2023/1	23CTT1	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N1	T4	1-2.5	LT-PMC202	25	1		
23	CQ2023/1	23CTT1	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N2	T4	3.5-5	LT-PMC202	25	1		
24	CQ2023/1	23CTT1	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N3	T2	1-2.5	LT-PMC202	25	1		
25	CQ2023/2	23CTT2	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N1	T3	1-2.5	LT-PMC202	25	1		
26	CQ2023/2	23CTT2	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N2	T3	3.5-5	LT-PMC202	25	1		
27	CQ2023/2	23CTT2	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N3	T2	3.5-5	LT-PMC202	25	1		
28	CQ2023/3	23CTT3	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N1	T5	1-2.5	LT-PMC202	25	1		
29	CQ2023/3	23CTT3	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N2	T5	3.5-5	LT-PMC202	25	1		
30	CQ2023/3	23CTT3	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N3	T5	6-7.5	LT-PMC202	25	1		
31	CQ2023/4	23CTT4	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N1	T3	6-7.5	LT-PMC202	25	1		
32	CQ2023/4	23CTT4	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N2	T3	8.5-10	LT-PMC202	25	1		
33	CQ2023/4	23CTT4	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N3	T6	8.5-10	LT-PMC202	25	1		

Thời gian học thực hành: từ ngày 11/03/2024 đến ngày 02/06/2024.
Trong đó, tuần 22/04/2024 thực hành HT2; các tuần khác thực hành HT1 theo lịch.
Thi cuối kỳ TH: tuần 27/05/2024.

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g35 - 11g40
3	6 - 7.5	12g30 - 14g35
4	8.5 - 10	14g35 - 16g40

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
34	CQ2023/5	23CTT5	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N1	T6	1-2.5	LT-PMC202	25	1		
35	CQ2023/5	23CTT5	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N2	T6	3.5-5	LT-PMC202	25	1		
36	CQ2023/5	23CTT5	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	30	N3	T6	6-7.5	LT-PMC202	25	1		
37	TTNT2023	23TNT1	CSC10010	Lập trình cho trí tuệ nhân tạo	30	N1	T4	1-2.5	LT-PMD203	25	1		
38	TTNT2023	23TNT1	CSC10010	Lập trình cho trí tuệ nhân tạo	30	N2	T4	3.5-5	LT-PMD203	25	1		
39	CQ2022/6	22_6	MTH00053	Lý thuyết số	30	N1	T6	6-7.5	LT-PMD203	25	1		
40	CQ2022/6	22_6	MTH00053	Lý thuyết số	30	N2	T6	8.5-10	LT-PMD203	25	1		
41	CQ2023/6	23CTT6	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N1	T4	6-7.5	LT-PMD203	25	1		
42	CQ2023/6	23CTT6	CSC10001	Nhập môn lập trình	30	N2	T4	8.5-10	LT-PMD203	25	1		
43	CNTN2022	22TN	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N1	T5	8.5-10	LT-PMD204	25	1		
44	CQ2022/2	22_2	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N1	T3	3.5-5	LT-PMD204	25	1		
45	CQ2022/2	22_2	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N2	T6	3.5-5	LT-PMD204	25	1		
46	CQ2022/2	22_2	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N3	T6	1-2.5	LT-PMD204	25	1		
47	CQ2022/3	22_3	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N1	T2	1-2.5	LT-PMD204	25	1		
48	CQ2022/3	22_3	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N2	T2	8.5-10	LT-PMD204	25	1		
49	CQ2022/3	22_3	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N3	T2	6-7.5	LT-PMD204	25	1		

Thời gian học thực hành: từ ngày 11/03/2024 đến ngày 02/06/2024.
Trong đó, tuần 22/04/2024 thực hành HT2; các tuần khác thực hành HT1 theo lịch.
Thi cuối kỳ TH: tuần 27/05/2024.

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g35 - 11g40
3	6 - 7.5	12g30 - 14g35
4	8.5 - 10	14g35 - 16g40

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
50	CQ2022/4	22_4	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N1	T3	1-2.5	LT-PMD204	25	1		
51	CQ2022/4	22_4	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N2	T6	6-7.5	LT-PMD204	25	1		
52	CQ2022/4	22_4	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N3	T6	8.5-10	LT-PMD204	25	1		
53	CQ2022/5	22_5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N1	T3	8.5-10	LT-PMD204	25	1		
54	CQ2022/5	22_5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N2	T3	6-7.5	LT-PMD204	25	1		
55	CQ2022/5	22_5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N3	T5	1-2.5	LT-PMD204	25	1		
56	CQ2022/6	22_6	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N1	T4	3.5-5	LT-PMD204	25	1		
57	CQ2022/6	22_6	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N2	T4	1-2.5	LT-PMD204	25	1		
58	CQ2022/6	22_6	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N3	T5	3.5-5	LT-PMD204	25	1		
59	TTNT2022	22TNT	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N1	T5	6-7.5	LT-PMD204	25	1		
60	CQ2022/4	22_4	MTH00052	Phương pháp tính	30	N1	T5	6-7.5	LT-PMD203	25	1		
61	CQ2022/4	22_4	MTH00052	Phương pháp tính	30	N2	T5	8.5-10	LT-PMD203	25	1		
62	CQ2022/5	22_5	MTH00052	Phương pháp tính	30	N1	T5	1-2.5	LT-PMD203	25	1		
63	CQ2022/5	22_5	MTH00052	Phương pháp tính	30	N2	T5	3.5-5	LT-PMD203	25	1		